TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PL** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2019/DS-ST
Ngày: 28/11/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quang Khang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Tuyết Kha**.

2. Ông **Đặng Thành Lực**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Danh Văn An** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 271/2019/QĐST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị H**, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp VT, xã HP, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: Anh **Trần Minh K,** sinh năm 1978 và chị **Nguyễn Thị HG**, sinh năm 1978; Cùng địa chỉ: ấp VT, xã HP, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Trần Quốc S**, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp VT, xã HP, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 5 năm 2019, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Võ Thị H trình bày:***

Vào ngày 22/8/2014 âm lịch, chị có cho vợ c HG anh Trần Minh K và chị Nguyễn Thị HG vay số tiền là 50.000.000 đồng, việc vay tiền hai bên có làm giấy tay, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng (1.000.000đ/tháng) nhưng không ghi trong giấy, không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Chị là người trực tiếp giao tiền cho anh K. Khi đưa tiền ngoài chị và anh K thì không có ai khác chứng kiến. Khi đưa tiền thì anh K không có ký tên vào giấy vay tiền, đến chiều cùng ngày chị mới đem giấy đến nhà cho anh K và chị HG ký tên vào giấy nợ. Sau khi vay, anh K và chị HG có

đóng lãi cho chị từ ngày 22/9/2014 âm lịch đến ngày 22/9/2015 âm lịch là 13 tháng với số tiền 13.000.000 đồng. Sau ngày 22/9/2015 âm lịch đến nay anh K, chị HG không trả lãi và gốc cho chị.

Tiền cho anh K, chị HG vay là do chị mượn của người khác, do anh K, chị HG không trả nợ nên chị cùng c HG là Trần Quốc S đã lấy tiền của vợ c HG trả nợ thay cho anh K chị HG. Do đó, nay chị yêu cầu vợ c HG anh Trần Minh K và chị Nguyễn Thị HG phải trả cho vợ c HG chị số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 22/9/2015 âm lịch (ngày 03/11/2015 dl).

**** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Trần Minh K và chị Nguyễn Thị HG trình bày:***

Anh K, chị HG thừa nhận có vay của chị H số tiền 50.000.000 đồng, chữ ký trong giấy nhận nợ đúng là chữ ký của anh, chị. Từ khi vay cho đến khoảng tháng 8 năm 2015 thì tháng nào vợ c HG anh, chị cũng trả lãi cho chị H. Đến cuối năm 2015 vợ c HG chị đã hốt hụi do chị H làm chủ để trả cho chị H số tiền vốn là 45.000.000 đồng, việc trả tiền không có làm giấy tờ.

Do anh, chị đã trả vốn và tiền lãi rất nhiều nên chị H yêu cầu anh, chị phải trả số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật thì anh, chị không còn khả năng trả theo yêu cầu của chị H.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Quốc S trình bày:*

Anh thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của chị H. Anh không có yêu cầu gì khác.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy của bộ luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Anh Trần Minh K và chị Nguyễn Thị HG thừa nhận có vay của chị Võ Thị H 50.000.000 đồng. Anh K chị HG xác định đã trả được số tiền gốc vay 45.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh. Chị H không thừa nhận việc chị HG, anh K có trả nợ gốc 45.000.000 đồng nên việc anh K, chị HG xác định đã trả được số tiền 45.000.000 đồng là không có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị H. Buộc anh Trần Minh K và chị Nguyễn Thị HG có nghĩa vụ trả cho chị Võ Thị H, anh Trần Quốc S tiền vay là 50.000.000 đồng. Đối với tiền lãi: Do lãi suất chị H cho anh K, chị HG vay bằng 02%/tháng là cao hơn so với quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tính lại phần lãi mà anh K, chị HG đã trả cho chị H trong thời gian từ ngày 22/9/2014 âm lịch đến ngày 22/9/2015 âm lịch là 13 tháng với số tiền 13.000.000 đồng và chấp nhận yêu cầu của chị H về việc yêu cầu anh K, chị HG trả lãi từ ngày 23/9/2015 âm lịch (ngày 04/11/2015 dl) đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất mà pháp luật quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị H khởi kiện yêu cầu vợ c HG anh K và chị HG trả tiền vay, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự, anh K và chị HG đang cư trú trên địa bàn huyện PL nên căn cứ theo quy định tại khoản 6 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện PL thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh K và chị HG đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh K và chị HG là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu trả tiền gốc của chị H: Chị H yêu cầu vợ c HG anh Trần Minh K và chị Nguyễn Thị HG phải trả cho vợ c HG chị số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng. Anh K và chị HG thừa nhận có nợ chị H số tiền 50.000.000 đồng. Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Như vậy, việc anh Trần Minh K và chị Nguyễn Thị HG có nợ chị Võ Thị H số tiền 50.000.000 đồng là có thật.

[4] Xét thấy, anh K và chị HG thừa nhận có nợ chị Võ Thị H 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh K, chị HG xác định: anh, chị đã trả cho chị H được số tiền gốc là 45.000.000 đồng nhưng chị H không thừa nhận trong khi anh K, chị HG không có chứng cứ để chứng minh đã trả chị H số tiền trên. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của anh K và chị HG về việc xác định đã trả cho chị H số tiền gốc là 45.000.000 đồng. Do đó, nay chị Võ Thị H yêu cầu anh Trần Minh K và chị Nguyễn Thị HG trả số tiền đã vay 50.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 nên được chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu tính lãi: Chị Võ Thị H xác định sau khi vay anh K, chị HG đã trả lãi đến ngày 22/9/2015 âm lịch (ngày 03/11/2015 dl), anh K, chị HG xác định anh, chị đã trả lãi cho chị H đến khoảng tháng 7 hoặc tháng 8/2015. Do đó, có căn cứ chấp nhận anh Trần Minh K và chị Nguyễn Thị HG đã trả lãi cho chị Võ Thị H từ ngày 22/8/2014 âm lịch (15/10/2014dl) đến ngày 22/9/2015 âm lịch (ngày 03/11/2015 dl) với thời gian là 12 tháng 19 ngày.

[6] Xét về lãi suất, theo chị Võ Thị H xác định thì lãi suất chị cho anh K, chị HG vai là 02%/tháng. Thời điểm vay là năm 2015 thời điểm này bộ luật dân sự năm 2015 chưa có hiệu lực mà theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định thì mức lãi suất không được cao hơn 1,125%/tháng. Do đó, chị Võ Thị H cho anh K, chị HG vay với lãi suất 02%/tháng là cao hơn so với quy định của pháp luật. Vì vậy, cần phải tính lại tiền lãi anh K, chị HG đã trả chị H cho phù hợp với lãi suất mà pháp luật đã quy định. Như vậy, theo mức lãi suất như trên thì từ ngày 22/8/2014 âm lịch (15/10/2014dl) đến ngày 22/9/2015 âm lịch (ngày 03/11/2015 dl) với thời gian là 12 tháng 19 ngày anh K, chị HG chỉ phải trả lãi cho chị H với số tiền là 7.106.250 đồng. Trong khi anh K, chị HG đã trả cho chị H 13.000.000 đồng là đã thừa 5.893.750 đồng. Đối với tiền lãi từ ngày 23/9/2015 âm

lịch (ngày 04/11/2015 dl) đến ngày xét xử (ngày 28/11/2019) là 48 tháng 24 ngày là bằng 27.450.000 đồng. Tuy nhiên, như đã phân tích trên, do anh K, chị HG đã trả lãi thừa số tiền 5.893.750 đồng nên được đối trừ. Buộc anh Trần Minh K và chị Nguyễn Thị HG có nghĩa vụ trả tiền lãi tiếp cho chị Võ Thị H (tính đến ngày 28/11/2019) với số tiền 21.557.250 đồng.

[7] Chị Võ Thị H xác định khoản tiền yêu cầu anh K, chị HG trả là tài sản chung của chị cùng c HG là anh Trần Quốc S. Do đó, chị H yêu cầu anh K, chị HG có nghĩa vụ trả cho chị và anh S số tiền trên là có căn cứ, được chấp nhận.

[8] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[9] Về án phí: Anh Trần Minh K và chị Nguyễn Thị HG phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Chị H và anh S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 471, 474, 476, 477 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và S dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị H. Buộc anh Trần Minh K và chị Nguyễn Thị HG phải có nghĩa vụ trả cho chị Võ Thị H và anh Trần Quốc S số tiền là 71.557.250 đồng *(Trong đó, tiền gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi là 21.557.250 đồng).*

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Anh Trần Minh K và chị Nguyễn Thị HG phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.577.800 đồng.

Chị Võ Thị H và anh Trần Quốc S không phải chịu án phí. Chị H đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 1.250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014062 ngày 16/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL nên được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Khang